

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

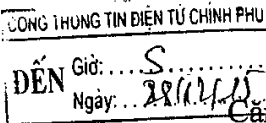
Số: 69 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 10 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định định mức chi hoạt động cho các đơn vị
cấp tỉnh và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới năm 2016**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận về định mức chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới năm 2016.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng kể từ năm ngân sách 2016.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Báo Bình Thuận; Đài Phát thanh Truyền hình;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, TH, v.v

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



*** Lê Tiến Phương**

QUY ĐỊNH

**Định mức chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh
và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới năm 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/2015/QĐ-UBND
ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Bình Thuận)*

**1. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với khối quản lý hành chính
cấp tỉnh và cấp huyện, thị xã, thành phố:**

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

	Định mức chi
Khối tỉnh	
- Khối Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước	25
Khối huyện, thị xã, thành phố	
- Khối Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước	25
Riêng huyện Phú Quý	29

Ngoài số chi theo định mức nói trên tùy theo tính chất hoạt động đặc thù của từng đơn vị, sẽ cân đối bổ sung thêm kinh phí chi công việc, các khoản chi đặc thù của khối đảng, khối đoàn thể cho phù hợp hoạt động của từng đơn vị: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các tổ chức đoàn thể và các sở, ngành.

Đối với khối huyện, thị xã, thành phố định mức phân bổ dự toán chi trên là mức chi bình quân làm cơ sở cho việc lập dự toán, phân bổ dự toán giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố. Các địa phương căn cứ vào đặc thù của từng đơn vị dự toán tham mưu cho HĐND cùng cấp phân bổ giao định mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị trên địa bàn.

**2. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với kinh phí hoạt động
HĐND khối huyện, thị xã, thành phố:**

	Định mức chi
Thành phố Phan Thiết	950 triệu đồng/năm
Thị xã La Gi	920 triệu đồng/năm
Các huyện còn lại	900 triệu đồng/năm

**3. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với chi sự nghiệp khối tỉnh
và khối huyện, thị xã, thành phố:**

**3.1. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với sự nghiệp giáo dục
đào tạo, y tế khối tỉnh và khối huyện, thị xã, thành phố:**

3.1.1. Định mức chi sự nghiệp giáo dục đào tạo:

a) Sự nghiệp giáo dục:

- Đối với bậc học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện trực thuộc huyện, thị xã, thành phố:

ĐVT: triệu đồng/biên chế/năm

Địa bàn	Định mức (triệu đồng/trường/năm)						DTNT
	Mầm non		Tiểu học		Trung học sơ sở		
	Hạng 1	Hạng 2,3	Hạng 1	Hạng 2,3	Hạng 1	Hạng 2,3	
Phan Thiết	77	80	140	150	210	220	
Tuy Phong	77	80	140	150	210	220	
Bắc Bình	77	80	140	150	210	220	270
Hàm Thuận Bắc	77	80	140	150	210	220	270
Hàm Thuận Nam	77	80	140	150	210	220	
Hàm Tân	77	80	140	150	210	220	
La Gi	77	80	140	150	210	220	
Tánh Linh	77	80	140	150	210	220	270
Đức Linh	77	80	140	150	210	220	
Phú Quý	154	160	280	300	420	440	

Căn cứ định mức được phân bổ; tình hình thực tế của từng địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố giao định mức khoán chi hoạt động cho phù hợp với từng đơn vị.

Định mức phân bổ chi ngân sách này chưa bao gồm kinh phí học bổng và trang cấp ban đầu cho học sinh dân tộc; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non; kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí thực hiện chương trình SEAQAP; các khoản chi mua sắm sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Các nội dung chi này được bố trí cân đối riêng ngoài định mức và thanh quyết toán theo thực tế phát sinh.

- Đối với bậc học Trung học phổ thông và Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Số TT	Tên trường	Kinh phí hoạt động (triệu đồng)
1	Trường THPT Tuy Phong	760
2	Trường THPT Hòa Đa	829
3	Trường THPT Bắc Bình	787
4	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	620
5	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	448
6	Trường THPT Hàm Thuận Bắc	689

7	Trường THPT Dân tộc nội trú	516
8	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1033
9	Trường THPT Phan Bội Châu	923
10	Trường THPT Phan Chu Trinh	728
11	Trường THPT Phan Thiết	600
12	Trường THPT Bùi Thị Xuân	468
13	Trường THPT Lương Thế Vinh	366
14	Trường THPT Hàm Thuận Nam	640
15	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	476
16	Trường THPT Lý Thường Kiệt	748
17	Trường THPT Nguyễn Huệ	683
18	Trường THPT Hàm Tân	463
19	Trường THPT Đức Tân	490
20	Trường THPT Tánh Linh	715
21	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	669
22	Trường THPT Đức Linh	700
23	Trường THPT Hùng Vương	894
24	Trường THPT Quang Trung	659
25	Trường THPT Ngô Quyền	640
26	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	443

Định mức phân bổ chi ngân sách này chưa bao gồm kinh phí học bổng và trang cấp ban đầu cho học sinh dân tộc; kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; cấp bù học phí hệ giáo dục thường xuyên; thực hiện chế độ công tác phí coi thi chấm thi kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học, thi tuyển sinh vào lớp 10 ở các trường trung học phổ thông; các khoản chi mua sắm sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Các nội dung chi này được bố trí cân đối riêng ngoài định mức và thanh quyết toán theo thực tế phát sinh. Khi giao dự toán cho các trường trung học phổ thông sẽ tính bù trừ phần thu được để lại theo quy định.

b) Sự nghiệp đào tạo:

ĐVT: triệu đồng

Đơn vị	Định mức/học sinh/năm	Định mức/biên chế/năm
1. Trường Cao Đẳng cộng đồng		
- Hệ Cao đẳng khối kỹ thuật, du lịch	2,6	
- Hệ Cao đẳng nghề	3,4	
- Hệ Cao đẳng sư phạm	2,6	
- Hệ Cao đẳng ngành học khác	2,6	
- Hệ Trung cấp ngành học khác	2,4	
- Hệ Trung cấp khối kỹ thuật, du lịch	2,4	

2. Trường Cao đẳng Y tế		
+ Hệ Cao đẳng	3,6	
+ Hệ Trung cấp	3,2	
3. Trường Cao đẳng nghề		
- Hệ Cao đẳng nghề	3,4	
- Hệ Trung cấp nghề	3,2	
4. Trường Chính trị tỉnh		25
5. Các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện		18,5
Riêng Phú Quý		20
6. Trường Năng khiếu nghiệp vụ thể dục thể thao		18,5

Định mức phân bổ chi ngân sách này chưa bao gồm kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; các khoản chi mua sắm sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Các nội dung chi này được bố trí cân đối riêng ngoài định mức và thanh quyết toán theo thực tế phát sinh. Khi giao dự toán cho các trường sẽ tính bù trừ phần thu được để lại theo quy định.

Riêng các khoản chi phí mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, các khoản chi phí phục vụ cho học sinh năng khiếu của Trường nghiệp vụ thể dục thể thao (chi phí điện, nước, vật dụng tập luyện, tiền dinh dưỡng, ...) được bố trí cân đối riêng ngoài định mức và thanh quyết toán theo thực tế phát sinh trong năm.

3.1.2. Định mức chi sự nghiệp y tế:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

	Định mức
Bệnh viện tuyến huyện, phòng khám đa khoa khu vực	18,5
Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và các Trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh	18,5
Trung tâm y tế tuyến huyện	17
Riêng Trung tâm y tế quân dân y Phú Quý	25
Trung tâm dân số kế hoạch hoá gia đình các huyện, thị xã, thành phố	17
Riêng Phú Quý	22
Y tế xã	10
Riêng các xã thuộc địa bàn Phú Quý	20

3.2. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với các sự nghiệp khác của khối tỉnh và khối huyện, thị xã, thành phố:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

	Định mức chi
- Khối tỉnh	18,5
- Khối huyện, thị xã, thành phố	18,5
Riêng Phú Quý	20

4. Định mức phân bổ chi ngân sách đối với khối xã, phường, thị trấn:

a) Đối với chức danh chuyên trách, công chức:

	Đơn vị: triệu đồng
	Định mức/người/năm
- Xã loại 1	15
- Xã loại 2	15
- Xã loại 3	14,5

b) Đối với các chức danh không chuyên trách:

Đơn vị: triệu đồng/người/năm

Chức danh	Định mức chi
Khối xã	
- Khối Đảng	
+ Không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng, Trưởng ban tổ chức Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo và cán bộ văn phòng Đảng ủy xã)	24,4
- Khối đoàn thể	
+ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	24,4
+ Phó các đoàn thể: Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh	19,5
+ Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, người cao tuổi	26,4
- Khối hành chính nhà nước	
Không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	18,9
- Các chức danh không chuyên trách khác	
+ Phó Trưởng công an, Phó Chỉ huy trưởng quân sự	22,5
+ Công an viên thường trực	18,9
Khối thôn khu phố	
+ Bí thư chi bộ thôn kiêm trưởng ban công tác mặt trận	24,8
+ Bí thư chi bộ khu phố	16,3
+ Trưởng thôn, khu phố	16,3
+ Trưởng ban công tác mặt trận khu phố	16,3
+ Công an viên thôn	14

c) Đối với chi hoạt động của HĐND cấp xã, phường, thị trấn:

Định mức phân bổ chi hoạt động của HĐND cấp xã, phường, thị trấn là 325 triệu đồng/xã/năm.

Định mức phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc tỉnh và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới áp dụng kể từ ngân sách năm 2016. Định mức chi trên là mức chi bình quân làm cơ sở cho việc lập dự toán, phân bổ dự toán giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố. Các địa phương căn cứ vào khả năng tăng thu ngân sách hàng năm, hoạt động đặc thù của từng đơn vị dự toán tham mưu cho HĐND cùng cấp phân bổ giao định mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị trên địa bàn.

Để đảm bảo cân đối nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm cho ngân sách các cấp, trong quá trình điều hành dự toán ngân sách, giao cho Sở Tài chính tính toán và hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố cấp phát kinh phí cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách sau khi đã trừ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo đúng quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Tiến Phương